

Phụ lục I

UBND TỈNH KON TUM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CỘNG ĐỒNG KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ**1. Thông tin chung về chương trình đào tạo**

1.1. Tên chương trình: Giáo dục mầm non (Pre - School Education). Áp dụng cho K3C trở đi.

1.2. Ngành đào tạo: Giáo dục mầm non (Pre - School Education)

1.3. Mã ngành: 51140201

1.4. Tên gọi của văn bằng: Cao đẳng Sư phạm Giáo dục mầm non

1.5. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

1.6. Phương thức đào tạo: Theo học chế tín chỉ

1.7. Hình thức đào tạo: Chính quy

1.8. Thời gian đào tạo: 03 năm

1.9. Khối lượng kiến thức toàn khoá (tính bằng số Tín chỉ): 110 tín chỉ, chưa tính số tín chỉ của học phần GDTC và GDQP-AN.

1.10. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

1.11. Phương thức tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1.12. Thang điểm đánh giá:

Theo Thông tư số 24/2019/TT-BGDĐT ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo Ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên.

1.13. Quy trình đào tạo: Thực hiện theo Thông tư số 24/2019/TT-BGDĐT ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo Ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên.

1.14. Điều kiện tốt nghiệp:

Kết thúc khoá học, những SV có đủ các điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

a. Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, SV không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b. Tích lũy đủ số tín chỉ, khối lượng và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

c. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d. Được xếp loại đạt ở kỳ thi tốt nghiệp các môn Lý luận chính trị.

đ. Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần chính thuộc

ngành đào tạo do Hiệu trưởng quy định;

e. Có các Chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất theo quy định;

f. Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 (theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam) hoặc hoàn thành chương trình A2 do trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum đào tạo; có chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản.

g. Đánh giá kết quả rèn luyện người học và nghĩa vụ học phí, lệ phí theo quy định của Trường;

1.15. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Làm giáo viên tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập, dân lập, tư thục và các nhóm trẻ gia đình.

- Chuyên viên tại các phòng Giáo dục và Đào tạo; Sở Giáo dục và Đào tạo về lĩnh vực liên quan đến giáo dục mầm non.

- Tư vấn viên, nghiên cứu viên về chuyên môn, nghiệp vụ giáo dục mầm non.

- Các tổ chức, đoàn thể liên quan đến công tác chăm sóc, giáo dục trẻ em.

1.16. Khả năng học tập nâng cao trình độ:

Có năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp; đủ điều kiện liên thông lên đại học ngành Giáo dục mầm non. Sau đó tiếp tục học sau đại học ngành Giáo dục Mầm non hoặc Quản lý Giáo dục.

1.17. Thời gian cập nhật: 9/2020

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình giáo dục đại học trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (GDMN) nhằm đào tạo giáo viên mầm non (GVMMN) đáp ứng được yêu cầu đổi mới của GDMN trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và kỷ nguyên 4.0. GVMMN được đào tạo phải có đủ phẩm chất, năng lực và sức khỏe để đảm bảo thực hiện tốt chương trình GDMN; có khả năng đáp ứng sự phát triển của GDMN; có khả năng tự học, tự bồi dưỡng nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn, ngành nghề và tham gia học tập ở bậc học cao hơn, không ngừng tích lũy những phẩm chất và năng lực cá nhân để thích ứng với yêu cầu chuyển đổi nghề nghiệp khi cần và trở thành giáo viên, cán bộ quản lý chuyên môn giỏi.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kiến thức

Hiểu biết về kiến thức giáo dục đại cương để vận dụng một cách sáng tạo vào thực tiễn GDMN.

Nắm vững hệ thống kiến thức khoa học GDMN ở trình độ cao đẳng để thực hiện tốt công tác quản lý lớp/nhóm trẻ, tổ chức tốt các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ ở các độ tuổi trong trường/ lớp mầm non.

Có những hiểu biết về giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt để tổ chức thực hiện tốt việc giáo dục hòa nhập trong trường/lớp mầm non.

Hiểu biết đầy đủ về mục tiêu, nội dung chương trình GDMN, phương pháp, hình thức tổ chức, đánh giá các hoạt động giáo dục và sự phát triển của trẻ ở các cơ sở GDMN.

Áp dụng có hiệu quả kiến thức khoa học GDMN vào việc tổ chức và đánh giá các hoạt động giáo dục trẻ ở các đối tượng khác nhau bao gồm cả trẻ dân tộc thiểu số, trẻ có nhu cầu đặc biệt ở tất cả các nhóm tuổi và các loại hình trường/ lớp mầm non.

b) Về kỹ năng

Kỹ năng quan sát, tìm hiểu và đánh giá mức độ phát triển của trẻ; phát triển, tổ chức và thực hiện chương trình GDMN theo hướng đổi mới, phù hợp với văn hoá, điều kiện địa phương, khả năng và nhu cầu của trẻ bao gồm: Lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ; lập kế hoạch phối hợp với cha mẹ của trẻ để thực hiện mục tiêu chăm sóc, giáo dục trẻ; tổ chức, thực hiện kế hoạch giáo dục một cách khoa học; đánh giá hiệu quả và điều chỉnh kế hoạch giáo dục; quản lý nhóm, lớp trẻ ở trường mầm non.

Làm và sử dụng hiệu quả đồ dùng, đồ chơi và các nguyên vật liệu vào việc tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ (thiết kế hoạt động giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục, lựa chọn và sử dụng hợp lý các học liệu phù hợp với phương pháp giáo dục - dạy học theo hướng lấy trẻ làm trung tâm). Kỹ năng xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, an toàn, lành mạnh.

Phân tích, đánh giá hiệu quả công việc của bản thân và đồng nghiệp; nắm bắt kịp thời những đổi mới trong giáo dục mầm non để vận dụng trong thực tiễn.

Có khả năng vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực giải quyết những vấn đề nảy sinh trong công tác. Có khả năng tuyên truyền khoa học giáo dục, vận động xã hội hóa giáo dục mầm non, các thông tin về ngành học.

c) Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Sinh viên (SV) tin tưởng vào năng lực chuyên môn của bản thân, có thái độ tốt với trẻ, yêu nghề, mến trẻ. Có ý thức vận dụng sáng tạo các kiến thức, kỹ năng được đào tạo để thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ góp phần nâng cao chất lượng GDMN.

3. Chuẩn đầu ra:

3.1. Yêu cầu về kiến thức

3.1.1. Kiến thức chung

PLO1- Hệ thống kiến thức khoa học, cơ bản về những nguyên lý của Chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.

PLO2- Hệ thống kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao để vận dụng vào quá trình tập luyện và tự rèn luyện nhằm củng cố và tăng cường sức khỏe; Đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước; Khoa học xã hội và nhân văn.

3.1.2. Kiến thức cơ sở ngành

PLO3- Hệ thống kiến thức cơ sở ngành liên quan đến phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng và làm sáng kiến kinh nghiệm; tin học thực hành; tâm lý và giáo dục học đại cương và lứa tuổi; kỹ năng giao tiếp; sự học và phát triển tâm lý trẻ em; môi trường và con người; tiếng Việt thực hành; văn học thiếu nhi và đọc kể diễn cảm; giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục an toàn giao thông, phòng chống các tệ nạn xã hội liên quan đến giáo dục mầm non để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp ngành Giáo dục mầm non.

3.1.3. Kiến thức chuyên ngành

PLO4- Kiến thức về chăm sóc sức khỏe cho trẻ lứa tuổi mầm non: An toàn, phòng tránh và xử lý ban đầu các tai nạn thường gặp ở trẻ; vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, dinh dưỡng, an toàn thực phẩm và giáo dục dinh dưỡng cho trẻ; một số bệnh thường gặp ở trẻ, cách phòng bệnh và xử lý ban đầu; hiểu biết cơ bản về đặc điểm tâm lý, sinh lý trẻ tuổi mầm non và bao gồm cả kiến thức về giáo dục hoà nhập trẻ tàn tật, khuyết tật; có hiểu biết về đánh giá phát triển của trẻ.

PLO5- Kiến thức chuyên ngành phát triển thể chất, phát triển tình cảm – xã hội, thẩm mỹ; hoạt động vui chơi, tạo hình, âm nhạc và văn học; phát triển nhận thức, ngôn ngữ của trẻ, tổ chức tốt các hoạt động cho trẻ ở trường mầm non (hoạt động vui chơi, học tập, lao động, hoạt động ngoài trời,...).

PLO6- Có hiểu biết về mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục mầm non, phương pháp dạy học và kết quả mong đợi cụ thể của từng độ tuổi.

PLO7- Áp dụng có hiệu quả kiến thức khoa học giáo dục mầm non vào việc tổ chức và đánh giá các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ ở nhiều đối tượng khác nhau (bao gồm cả trẻ dân tộc thiểu số, trẻ có nhu cầu đặc biệt ở tất cả các nhóm tuổi, các loại hình trường, lớp mầm non).

3.1.4. Kiến thức bổ trợ

PLO8- Các khái niệm, đặc điểm, quy tắc,... của quá trình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Có đầy đủ phẩm chất năng lực theo yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

3.1.5. Kiến thức thực tập và tốt nghiệp

PLO9- Có kiến thức về quá trình thực hành các hoạt động chăm sóc, giáo dục, quản lý và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục trong trường, lớp mầm non; tiếp cận, xử lý và áp dụng linh hoạt những thông tin khoa học mới của ngành khoa học vào hoạt động thực tiễn của giáo dục mầm non; Thực hiện và hoàn thành tốt khóa luận tốt nghiệp theo yêu cầu hoặc học bổ sung một số học phần thay cho khóa luận tốt nghiệp theo quy định.

3.2. Yêu cầu về kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng cứng

PLO10- Kỹ năng quan sát, tìm hiểu và đánh giá mức độ phát triển của trẻ; lập kế hoạch định hướng phát triển và giáo dục trẻ phù hợp với yêu cầu của từng độ tuổi, từng cá nhân và điều kiện thực tế, bao gồm: Lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ; lập kế hoạch phối hợp với cha mẹ của trẻ để thực hiện mục tiêu chăm sóc, giáo dục trẻ; tổ chức, thực hiện kế hoạch giáo dục một cách khoa học; đánh giá hiệu quả và điều chỉnh kế hoạch giáo dục; quản lý nhóm, lớp trẻ ở trường mầm non.

PLO11- Làm và sử dụng hiệu quả đồ dùng, đồ chơi và các nguyên vật liệu vào việc tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ (thiết kế hoạt động giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục, lựa chọn và sử dụng hợp lý các học liệu phù hợp với phương pháp giáo dục – dạy học theo hướng lấy trẻ làm trung tâm). Kỹ năng xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, an toàn, lành mạnh.

PLO12- Phân tích, đánh giá hiệu quả công việc của bản thân và đồng nghiệp; nắm bắt kịp thời những đổi mới trong giáo dục mầm non để vận dụng trong thực tiễn.

PLO13- Có khả năng vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực giải quyết những vấn đề nảy sinh trong công tác. Có khả năng tuyên truyền khoa học giáo dục, vận động xã hội hóa giáo dục mầm non, các thông tin về ngành học.

3.2.2. Kỹ năng mềm

PLO14- Có khả năng sử dụng công nghệ thông tin tối thiểu đạt trình độ chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản; biết sử dụng một số phần mềm để hỗ trợ cho các hoạt động dạy học chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non. Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ A2 (bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam) hoặc hoàn thành chương trình A2 do trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum đào tạo.

PLO15- Có kỹ năng giao tiếp - lắng nghe có hiệu quả; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng thuyết trình, kỹ năng xác định mục tiêu, kỹ năng rèn luyện ý chí, kỹ năng quản lý thời gian hiệu quả; kỹ năng truyền đạt hiệu quả các thông tin, ý tưởng, giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; kỹ năng phỏng vấn xin việc; kỹ năng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; có khả năng thích ứng với hoàn cảnh, nghề nghiệp.

3.3. Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm

3.3.1. Phẩm chất đạo đức, thực hành nghề nghiệp, trách nhiệm công dân

PLO16- Là tấm gương mẫu mực về đạo đức nhà giáo; chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ đồng nghiệp trong rèn luyện đạo đức nhà giáo.

PLO17- Có thái độ tốt với trẻ và nghề giáo dục mầm non; chăm sóc, giáo dục trẻ bằng tình thương yêu, sự công bằng và trách nhiệm của một nhà giáo; có thái độ đúng mực và đáp ứng nguyện vọng chính đáng của cha mẹ trẻ em; chủ động cập nhật, vận dụng linh hoạt và hiệu quả các phương pháp dạy học và giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới, phù hợp với điều kiện thực tế.

PLO18- Có ý thức tự giác, tích cực rèn luyện năng lực sư phạm, kỹ năng giao tiếp sư phạm, nghiên cứu đổi mới phương pháp, sáng tạo trong nghề nghiệp để không ngừng nâng cao khả năng nghiệp vụ trong công tác giáo dục.

3.3.2. Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ

PLO19- Chủ động thực hiện, chịu trách nhiệm về hoạt động học tập của bản thân, trên cơ sở đó tiến tới chủ động thực hiện công việc được giao. Tự chủ thực hiện và chịu trách nhiệm về kế hoạch chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non từ 0-6 tuổi.

PLO20- Thái độ làm việc nghiêm túc, tích cực; có ý thức kỷ luật và tác phong sư phạm; có ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong công việc; có ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp.

PLO21- Suy nghĩ tích cực và nhiệt tình về trẻ em và tin tưởng vào khả năng tiềm tàng của trẻ. Nhìn thấy cái tốt, cái thiện trong bất cứ tình huống nào và có ý chí tiến thủ. Biết tận dụng mọi tình huống để giáo dục trẻ và giúp trẻ vượt qua mọi trở ngại. Biết động viên khuyến khích người khác tích cực tư duy.

3.3.3. Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc

PLO22- Có khả năng giải quyết công việc linh hoạt, năng động, tự tin, cầu tiến. Có khả năng hợp tác, tạo lập được các mối quan hệ tốt trong quá trình xử lý, giải quyết công việc.

PLO23- Linh hoạt, cởi mở và sẵn sàng tiếp nhận những tư tưởng mới để áp dụng vào quá trình giáo dục trẻ. Biết sử dụng sáng tạo các phương pháp giáo dục và dạy học vào tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp để giúp trẻ có được những trải nghiệm có ý nghĩa phát triển đối với trẻ em.

4. Ma trận kỹ năng.

32	Lý luận và PPTC hoạt động âm nhạc					2	4						3		3		2	3		2		2	2
33	Lý luận và PPTC hoạt động phát triển ngôn ngữ					2	2-4	4			4	3	3	3		3		3	3	3		3	3
34	Lý luận và PPTC hoạt động làm quen văn học			4		3-4	3-4	3-4		3	3-4		3-4			3-4	3-4	3-4	3-4		3	3	
35	Lý luận và PPTC hoạt động làm quen với toán					1-2				4										3			
36	Lý luận và PPTC hoạt động KPKH và LQMTXQ*					2-3		3		4										3			
37	Lý luận và PPTC hoạt động phát triển vận động					2		3		3							3	3	3	3	3	3	3
38	Vệ sinh dinh dưỡng*			2		3	4		4	4		4			3		3						
39	Phát triển và tổ chức thực hiện CTGDMN*						3	2	2	3			3				3	3	3				
40	Các chuyên đề đổi mới trong GDMN					2-3				3-4			3						3				3
41	Quản lí GDMN					2						3	4								3		
42	Đánh giá trong GDMN			2			2		3		2-3												
43	Thực hành sự phạm 1		2	3					3					3				4		4			
44	Thực hành sự phạm 2					3	3	2	2	3	3	3	3				3	2	3	3			
45	Thực hành sự phạm 3					3	3	2	2	3	3	3	3				3	2	3	3			
46	Thực hành sự phạm 4					3	3	2	2	3	3	3	3				3	2	3	3			
47	Nghề GVMN		2				2	3		3-4			3-4		4		3	3					

48	Khởi nghiệp							2-3				3			2-3				3	3				
49	Thực tập cuối khóa					3	3	2	2	3	3	3	3			3	2	3	3					
50	Khóa luận tốt nghiệp				3	3	3	3		4	3	3		4				3	3	4		4	3	
51	Đàn phím điện tử 2					2-3			2-3				2-3				3	3	3	3	3	3	3	
52	Phòng bệnh và ĐBAT				2	2					4		2	2		3	3		2	2	2			
53	Giáo dục hòa nhập				2		2	3		3	2		2		3		3	3	3	3	3			
54	PPGDD&SK cho trẻ mầm non				2	2	4						3	3		3	3	3	2-3					

5. Nội dung chương trình (Tên và khối lượng các kiến thức)

5.1. Tên và khối lượng các học phần

TT	Nội dung	Số học phần	Số tín chỉ
5.1.1	A. Kiến thức giáo dục đại cương (chưa kể GDTC và GDQP)	09 HP	21TC
5.1.2	B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp - Kiến thức cơ sở ngành - Kiến thức chuyên ngành - Kiến thức bổ trợ - Thực tập sư phạm, khóa luận tốt nghiệp	38 HP 13 HP 21 HP 02 HP 02 HP	89 TC 24 TC 51 TC 03 TC 11 TC
Tổng số TC toàn khóa		47 HP	110 TC

5.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Khối KT/tên HP	Số TC	Số giờ					HP tiên quyết
				Tổng số giờ	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		31,5						
I	61048003	Giáo dục QP – An ninh	8,5	165	90			75	
II	61043001	Giáo dục thể chất	3	90				90	
III	Lý luận chính trị		9	180	84	0	0	96	
1	61012001	Những NLCB của CN Mác – Lênin1	2	45	15		0	30	
2	61012002	Những NLCB của CN Mác-Lênin2	2	30	24		0	6	61012001
3	61012003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	45	15		0	30	
4	61013004	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	60	30		0	30	
IV	Ngoại ngữ không chuyên		8	165	75	0	0	90	
5	61283093	Tiếng Anh 1	3	60	30			30	
6	61282094	Tiếng Anh 2	2	45	15			30	61283093
7	61283056	Tiếng Anh nâng cao	3	60	30			30	61282094
V	Khoa học Xã hội và nhân văn		4	60	48	0	6	6	
8	61082001	QL HCNN và QL Ngành	2	30	24		6	0	
9	61012007	Giáo dục gia đình	2	30	24			6	
B	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		89	1815	772	0	14	1029	
I	Kiến thức cơ sở khối ngành		24	405	254	0	6	145	
10	61052001	PPNC KHSP ứng dụng và làm SKKN	2	30	24			6	
11	61271900	UDCNTT trong GDMN	1	30	0			30	
12	61272002	Tin học thực hành	2	45	15			30	

13	61082002	Tâm lí học đại cương	2	30	24			6	
14	61082003	Giáo dục học đại cương	2	30	24			6	61082002
15	61081005	Sự học & PTTL trẻ em 1	1	15	12			3	61082002
16	61082006	Sự học & PTTL trẻ em 2	2	30	24			6	61082002
17	61082007	Giáo dục học mầm non	2	30	20			10	61082003
18	61082004	Kỹ năng giao tiếp	2	30	24			6	61082007
19	61052002	Sự phát triển thể chất trẻ em	2	30	24		0	6	
20	61052003	Môi trường và con người	2	30	24		6	0	
21	63032012	Tiếng Việt thực hành	2	45	15			30	
22	61032009	Văn học TN và đọc diễn cảm	2	30	24			6	
II	Kiến thức ngành		49	1035	425	0		610	
23	61073001	Mỹ thuật	3	60	30			30	
24	61073002	Âm nhạc	3	60	30			30	
25	61092001	Múa dân gian cơ bản	2	45	15			30	61073002
26	61072003	Đàn phím điện tử 1	2	45	15			30	61073002
27	61093002	Lí luận và PPTC hoạt động vui chơi*	3	60	30			30	61082007
28	61093003	Lí luận và PPTC hoạt động tạo hình	3	60	30			30	61073001
29	61093004	Lí luận và PPTC hoạt động âm nhạc	3	60	30			30	61073002 61092001
30	61093005	Lí luận và PPTC hoạt động phát triển ngôn ngữ	3	60	30			30	63032012
31	61093006	Lí luận và PPTC hoạt động Làm quen văn học	3	60	30			30	61032009
32	61093007	Lí luận và PPTC hoạt động làm quen với toán	3	60	30			30	
33	61093008	Lí luận và PPTC hoạt động KPKH về MTXQ*	3	60	30			30	61052003
34	61093009	Lí luận và PPTC hoạt động phát triển vận động.	3	60	30			30	61043001
35	61092010	Vệ sinh - dinh dưỡng*	2	45	15			30	61052002
36	61093012	Phát triển và tổ chức thực hiện CTGDMN*	3	60	30			30	
37	61093013	Các chuyên đề đổi mới trong GDMN	2	30	20			10	
38	61092014	Quản lí GDMN	2	45	15			30	61082001
39	61092015	Đánh giá trong GDMN	2	45	15			30	
40	61091017	Thực hành sự phạm 1	1	30				30	
41	61091018	Thực hành sự phạm 2	1	30				30	
42	61091019	Thực hành sự phạm 3	1	30				30	
43	61091020	Thực hành sự phạm 4	1	30				30	
III	Kiến thức bổ trợ		3	60	27	0	0	33	
44	61092016	Nghề GVMN	2	45	15			30	

45	61052002	Khởi nghiệp	1	15	12			03	
IV	Thực tập, khóa luận tốt nghiệp		13	315	67	0	8	240	
46	61096021	Thực tập cuối khóa	6	180	0			180	
47	61095022	Khóa luận tốt nghiệp	7	135	67		8	60	
Sinh viên học tích lũy đủ 7 tín chỉ nếu không đủ điều kiện làm khóa luận TN									
48	61071004	Đàn phím điện tử 2	1	30				30	61072003
49	61092024	Phòng bệnh và ĐBAT	2	30	26		4	0	61092010
50	61082009	Giáo dục hòa nhập	2	30	26		4	0	
51	61092011	Phương pháp giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ mầm non.	2	45	15			30	61092010
Tổng số tín chỉ toàn khoá			110	2.220	980	0	20	1.220	0

Ghi chú: - Tổng số 2220 tiết cho 110 tín chỉ không kể GDQP-AN (165 giờ) và GDTC (3 TC)

*- Những học phần được đánh dấu * là những học phần chính*

6. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã HP	Khối kiến thức/Tên học phần	Số TC	NĂM I		NĂM II		NĂM III	
				HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6
A	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		31,5						
I	61048003	Giáo dục QP – An ninh	8,5		6		2.5		
II	61043001	Giáo dục thể chất	3	1	1	1			
III	Lý luận chính trị		9						
1	61012001	Những NLCB của CN Mác – Lênin 1	2			2			
2	61012002	Những NLCB của CN Mác – Lênin 2	2				2		
3	61012003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				2		
4	61013004	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3					3	
IV	Ngoại ngữ không chuyên		8						
5	61283093	Tiếng Anh 1	3	3					
6	61282094	Tiếng Anh 2	2		2				
7	61283056	Tiếng Anh nâng cao	3			3			
V	Khoa học Xã hội và nhân văn		4						
8	61082001	QL HCNN và QL Ngành	2					2	
9	61012007	Giáo dục gia đình	2	2					
B	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		89						
I	Kiến thức cơ sở khối ngành		24						
10	61052001	PPNC KHSP ứng dụng và làm SKKN	2		2				
11	61271900	UDCNTT trong GDMN	1					1	
12	61272002	Tin học thực hành	2			2			
13	61082002	Tâm lí học đại cương	2	2					
14	61082003	Giáo dục học đại cương	2	2					

15	61081005	Sự học & PTTL trẻ em 1	1	1					
16	61082006	Sự học & PTTL trẻ em 2	2		2				
17	61082007	Giáo dục học mầm non	2		2				
18	61082004	Kỹ năng giao tiếp	2				2		
19	61052002	Sự phát triển thể chất trẻ em	2	2					
20	61052003	Môi trường và con người	2	2					
21	63032012	Tiếng Việt thực hành	2		2				
22	61032009	Văn học TN và đọc diễn cảm	2	2					
II	Kiến thức ngành		49						
23	61073001	Mỹ thuật	3	3					
24	61073002	Âm nhạc	3	3					
25	61092001	Múa dân gian cơ bản	2		2				
26	61072003	Đàn phím điện tử 1	2			2			
27	61093002	Lí luận và PPTC hoạt động vui chơi*	3		3				
28	61093003	Lí luận và PPTC hoạt động tạo hình	3					3	
29	61093004	Lí luận và PPTC hoạt động âm nhạc	3			3			
30	61093005	Lí luận và PPTC hoạt động phát triển ngôn ngữ	3				3		
31	61093006	Lí luận và PPTC hoạt động Làm quen văn học	3				3		
32	61093007	Lí luận và PPTC hoạt động làm quen với toán	3				3		
33	61093008	Lí luận và PPTC hoạt động KPKH về MTXQ*	3			3			
34	61093009	Lí luận và PPTC hoạt động phát triển vận động.	3			3			
35	61092010	Vệ sinh - dinh dưỡng*	2			2			
36	61093012	Phát triển và tổ chức thực hiện CTGDMN*	3				3		
37	61093013	Các chuyên đề đổi mới trong GDMN	2					2	
38	61092014	Quản lí GDMN	2					2	
39	61092015	Đánh giá trong GDMN	2					2	
40	61091017	Thực hành sư phạm 1	1		1				
41	61091018	Thực hành sư phạm 2	1			1			
42	61091019	Thực hành sư phạm 3	1				1		
43	61091020	Thực hành sư phạm 4	1					1	
III	Kiến thức bổ trợ		3						
44	61092016	Nghề GVMN	2					2	
45	61052002	Khởi nghiệp	1					1	
IV	Thực tập, khóa luận tốt nghiệp		13						
46	61096021	Thực tập sư phạm	6						6

47	61095022	Khóa luận tốt nghiệp	7						
SV học tích lũy đủ 7 tín chỉ nếu không đủ điều kiện làm khóa luận TN									
48	61071004	Đàn phím điện tử 2	1						1
49	61092024	Phòng bệnh và ĐBAT	2						2
50	61082009	Giáo dục hòa nhập	2						2
51	61092011	Phương pháp giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ mầm non.	2						2
Tổng số tín chỉ toàn khoá			121.5	23	23	22	21.5	19	13

Ghi chú: - Tổng số 110 tín chỉ không kể GDQP-AN (8.5 TC-165 giờ) và GDTC (3 TC)

*- Những học phần được đánh dấu * là những học phần chính*

7. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

A. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG

I. Giáo dục Quốc phòng –An ninh

8.5 TC (LT 90; TH: 75)

Căn cứ mục tiêu đào tạo và tính chất đặc thù của môn học, chương trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường cao đẳng sư phạm và các cơ sở giáo dục đại học gồm 4 học phần với tổng thời lượng 8.5 TC (165 tiết).

- Học phần I: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam (30 tiết LT);
- Học phần II: Công tác quốc phòng và an ninh (30 tiết LT);
- Học phần III: Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn (85 tiết: 20 LT và 65 TH);
- Học phần IV: Hiểu biết chung về quân, binh chủng (20 tiết: 10 LT và 10 TH).

II. Giáo dục thể chất

3 TC (TH: 90)

1. Giáo dục thể chất 1

1 TC (TH: 30)

Nội dung Giáo dục thể chất 1 chủ yếu tập trung chuyên đề Điền kinh. Cụ thể: Kỹ thuật chạy cự ly ngắn 80-100m (các động tác hỗ trợ chạy cự ly ngắn; kỹ thuật chạy giữa quãng; kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao sau xuất phát; kỹ thuật về đích và hoàn thiện kỹ thuật chạy cự ly ngắn; giới thiệu một số điều luật cơ bản trong luật Điền kinh); Kỹ thuật nhảy xa kiểu ưỡn thân (kỹ thuật chạy đà, giậm nhảy và bước bộ trên không; kỹ thuật giai đoạn trên không và tiếp đất kiểu ưỡn thân; hoàn thiện kỹ thuật nhảy xa kiểu ưỡn thân; giới thiệu một số điều luật cơ bản trong luật Điền kinh); Kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng (kỹ thuật chạy đà, giậm nhảy đá lăng; kỹ thuật giai đoạn trên không và tiếp đất kiểu úp bụng; phối hợp hoàn thiện kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng; giới thiệu một số điều luật cơ bản trong luật Điền kinh); Kỹ thuật đẩy tạ vai hướng ném (kỹ thuật giai đoạn chuẩn bị và ra sức cuối cùng; phối hợp kỹ thuật trượt đà - RSCC - giữ thăng bằng; hoàn thiện 4 giai đoạn kỹ thuật đẩy tạ vai hướng ném; giới thiệu một số điều luật cơ bản trong luật Điền kinh)

2. Giáo dục thể chất 2**1 TC (TH: 30)**

Nội dung Giáo dục thể chất 2 chủ yếu tập trung chuyên đề Bóng chuyền. Cụ thể: Tư thế chuẩn bị và di chuyển (tư thế chuẩn bị; di chuyển); Kỹ thuật chuyền bóng (kỹ thuật chuyền bóng cao bằng hai tay; chuyền bóng thấp bằng hai tay); Kỹ thuật phát bóng (kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt; kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt; kỹ thuật đập bóng

- Chấn bóng; kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lầy đà và kỹ thuật chấn bóng); Giới thiệu một số điều luật cơ bản bóng chuyền

3. Giáo dục thể chất 3**1 TC (TH: 30)**

Nội dung Giáo dục thể chất 3 chủ yếu tập trung chuyên đề Bóng rổ. Cụ thể: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng rổ; Kỹ thuật dẫn bóng; Kỹ thuật khống chế bóng (kỹ thuật bắt bóng bằng hai tay; kỹ thuật bắt bóng bằng một tay); Kỹ thuật chuyền bóng (kỹ thuật chuyền bóng hai tay trước ngực, kỹ thuật chuyền bóng hai tay trên đầu; kỹ thuật chuyền bóng bằng một tay trên vai; kỹ thuật chuyền bóng bằng một tay và hai tay dưới thấp; kỹ thuật chuyền bóng bằng một bên mình và chuyền bóng kín); kỹ thuật ném rổ (kỹ thuật ném rổ hai tay trước ngực; kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên vai; kỹ thuật di động ném rổ bằng một tay trên cao, dưới thấp; di động ném rổ bằng hai tay dưới thấp); kỹ thuật khống chế và cản phá bóng; giới thiệu một số luật cơ bản thi đấu bóng rổ.

III. Lí luận chính trị**1. Nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin 1****2TC (LT: 15; TH:30)**

Học phần *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1* cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản nhất về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Đây là môn học đầu tiên của chương trình các môn Lý luận chính trị trong các trường đại học, cao đẳng. Học phần gồm 4 chương, trong đó: Chương mở đầu, giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin (quá trình hình thành và phát triển của chủ nghĩa Mác

- Lênin, các bộ phận lý luận cấu thành) và một số vấn đề chung của môn học (đối tượng, mục đích, yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu môn học). Chương 1, giới thiệu khái quát về chủ nghĩa duy vật và quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức. Chương 2, giới thiệu về phép biện chứng duy vật với hai nguyên lý, ba quy luật, sáu cặp phạm trù và lý luận nhận thức của phép biện chứng duy vật. Chương 3, khái quát quan điểm duy vật về lịch sử gồm các quy luật về sự vận động và phát triển của xã hội, về vai trò của con người và quần chúng nhân dân đối với sự vận động và phát triển của lịch sử.

2. Nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lênin 2**2TC (LT: 24; TH:06)**

Học phần tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1 Học phần *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2* gồm hai phần:

- Phần 1: Học thuyết của chủ nghĩa Mác- Lênin về phương thức sản xuất TBCN. Phần này gồm có các nội dung: điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa;

hàng hóa; tiền tệ và quy luật giá trị; sự chuyển hóa của tiền thành tư bản; quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư trong xã hội tư bản; tiền công trong chủ nghĩa tư bản; quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư; các hình thái tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư; nguyên nhân chuyển biến của CNTB từ cạnh tranh tự do sang độc quyền; những đặc điểm kinh tế cơ bản của CNTB độc quyền; sự hoạt động của quy luật giá trị và quy luật giá trị thặng dư trong giai đoạn CNTB độc quyền; nguyên nhân hình thành và bản chất của CNTB độc quyền nhà nước; những biểu hiện chủ yếu của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước; những nét mới trong sự phát triển của CNTB hiện đại; vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của CNTB.

- Phần 2: Lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin về CNXH. Phần này gồm có các nội dung: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; vai trò của Đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; cách mạng xã hội chủ nghĩa; hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa; vấn đề xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa; vấn đề dân tộc và những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc; vấn đề tôn giáo và những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo; cách mạng Tháng Mười Nga và mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực đầu tiên trên thế giới; sự ra đời của hệ thống XHCN và những thành tựu của nó; sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình CNXH xôviết và nguyên nhân của nó; triển vọng của CNXH.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2TC (LT: 15; TH: 30)

Học phần có 8 chương: Chương mở đầu: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập bộ môn tư tưởng Hồ Chí Minh; chương I: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; chương II: Tư tưởng về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chương III: Tư tưởng về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chương IV: Tư tưởng về Đảng cộng sản Việt Nam; chương V: Tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; chương VI: Tư tưởng về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; chương VII: Tư tưởng về văn hóa, đạo đức, và xây dựng con người mới.

4. Đường lối cách mạng của Đảng CSVN

3 TC (LT: 30; TH: 30)

Học phần “Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam”, ngoài chương mở đầu có tính chất nhập môn, gồm có 8 chương bao quát những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên cách mạng XHCN.

IV. Ngoại ngữ không chuyên

5. Tiếng Anh 1.

3TC (LT: 30, TH: 30)

Học phần này hướng dẫn SV học về thi hiện tại đơn, thi hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn, thì quá khứ tiếp diễn, thì tương lai; sử dụng mạo từ, từ chỉ số lượng, danh từ đếm được và không đếm được, các giới từ chỉ thời gian và câu hỏi. SV làm quen về hình thức và nội dung bài báo, các mẫu chuyện, được cung cấp từ vựng về cuộc sống hàng ngày, về việc đi

mua sắm, tạo cơ hội để SV rèn luyện kỹ năng giao tiếp từ cấp độ biết, hiểu đến vận dụng, sáng tạo. Các hoạt động trong lớp học được tổ chức theo các hình thức khác nhau như: cá nhân, cặp, nhóm và SV sẽ được thực hành nhiều hơn để các em nâng cao khả năng giao tiếp. Nhằm vững kiến thức học phần này, SV được trang bị kiến thức cơ bản để nâng cao khả năng giao tiếp tiếng Anh.

6. Tiếng Anh 2.

2TC (LT: 15, TH: 30)

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1.

Học phần này hướng dẫn SV cách sử dụng thì tương lai gần, thì tương lai đơn, thì quá khứ đơn, thì hiện tại hoàn thành; so sánh hơn và so sánh nhất, trạng từ, giới từ, động từ, từ đồng nghĩa và trái nghĩa, đại từ quan hệ và các loại câu hỏi. SV làm quen về hình thức và nội dung bài báo, các mẫu chuyện ... SV được cung cấp từ vựng về cuộc sống hàng ngày, về cách chỉ đường... Các hoạt động trong lớp học được tổ chức theo các hình thức khác nhau như: cá nhân, cặp, nhóm và SV sẽ được thực hành nhiều hơn để các em nâng cao khả năng giao tiếp. Nhằm vững kiến thức học phần này, sinh viên được củng cố và trang bị thêm một phần kiến thức cơ bản để nâng cao khả năng giao tiếp tiếng Anh.

7. Tiếng Anh nâng cao

3TC (LT: 30, TH: 30)

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2.

Học phần được thiết kế để phát triển 4 kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc, Viết theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Châu Âu. Các bài học được thiết kế theo các chủ điểm khác nhau và các bài tập thực hành được thiết kế như cấu trúc đề thi giúp SV làm quen với dạng đề và rút ra được kinh nghiệm trong kì thi chứng chỉ A2.

Mỗi đơn vị bài học bao gồm nhiều hoạt động khác nhau theo cấp độ từ biết, hiểu đến vận dụng, sáng tạo. Việc luyện tập trên lớp được tổ chức theo các hình thức khác nhau như: cá nhân, cặp, nhóm.

Học phần thiết kế gồm 5 đơn vị bài học và kèm theo sách bài tập cùng với các dạng bài Test A2 cho SV có thể tự luyện tập ở nhà. Ngoài ra SV còn được cung cấp các website để luyện thi online giúp các em đạt kết quả cao nhất trong kỳ thi.

V. Khoa học Xã hội và nhân văn

8. Quản lý HCNN và quản lý Ngành

2 TC (LT: 24; TL:06)

Những vấn đề cơ bản về quản lý giáo dục: Khái niệm, chức năng, các nguyên tắc, các phương pháp và quá trình quản lý giáo dục; các văn bản về quản lý giáo dục và GDMN. Quản lý GDMN: Mục tiêu, nhiệm vụ các yêu cầu đối với quản lý GDMN; nội dung, các biện pháp quản lý nhóm, lớp mầm non; xây dựng kế hoạch về công tác quản lý nhóm, lớp mầm non.

9. Giáo dục gia đình

2TC (LT: 24; TH: 06)

Trẻ em và Công ước về quyền trẻ em.

Những vấn đề cơ bản về giáo dục gia đình hiện nay: Gia đình – chủ thể của các tương tác sư phạm và môi trường văn hóa – xã hội đối với sự phát triển của trẻ; vai trò, đặc điểm của gia đình; các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của giáo dục gia đình; nhiệm vụ và nội dung giáo dục gia đình; phương pháp và biện pháp giáo dục gia đình. Mối quan hệ giữa gia đình và nhà trường, những định hướng và yêu cầu của xã hội đối với ngành học, ảnh hưởng của sự phát triển kinh tế - xã hội đối với GDMN trong chăm sóc và giáo dục trẻ.

B. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

I. Kiến thức cơ sở khối ngành

10. Phương pháp NCKHSPUD và Làm SKKN 2TC (LT: 24; TH: 06)

Học phần Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng là học phần cơ sở, cung cấp những kiến thức lý luận và thực tiễn về phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm để người học tiếp cận với những vấn đề cơ bản của nghiên cứu khoa học sư phạm có tính ứng dụng và được thiết kế gồm hai nội dung lớn đó là: Chương I: Lí thuyết và phương pháp nghiên cứu

cơ bản, Chương 2: Đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng nhằm giúp cho SV, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục hiểu rõ hơn về khái niệm, ý nghĩa, quy trình, phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng đã được chuẩn hoá quốc tế hiện đang được thực hiện rộng rãi tại các nước trong khu vực như: Trung Quốc, Singapore, Thái Lan

11. Ứng dụng công nghệ thông tin trong GDMN 1TC (TH: 30)

Học phần gồm những nội dung chính như sau: giới thiệu tổng quan về UDCNTT trong dạy học; giới thiệu về internet và cách sử dụng một số dịch vụ của internet như: Email, Web; hướng dẫn sử dụng phần mềm MS Powerpoint để xây dựng các bài diễn trình; xử lý âm thanh và phim; hướng dẫn sử dụng một số phần mềm ứng dụng trong dạy học ở mầm non.

12. Tin học thực hành

2 TC (LT: 15; TH: 30)

Học phần bao gồm những nội dung: xây dựng văn bản thông qua giao diện phần mềm soạn thảo văn bản Word 2010 và chức năng các thanh công cụ; kỹ năng soạn thảo, trình bày, hệ thống văn bản trên nền tảng phần mềm Word 2010 để tạo văn bản tài liệu phục vụ công tác văn phòng, học tập của người học; kiến thức cơ bản về bảng tính Excel, cách thức tổ chức làm việc, quản lý dữ liệu bảng tính, chức năng thanh công cụ xử lý bảng tính Excel; mạng máy tính, internet.

Học phần này giúp người học có được những kỹ năng thiết kế xây dựng, xử lý dữ liệu bảng tính Excel phục vụ công việc văn phòng, kế toán, tổng hợp thống kê dữ liệu thực tế, xây dựng báo cáo, tổng hợp, thống kê minh họa dữ liệu thông qua chức năng các hàm của chương trình Excel, khả năng trình bày, thiết kế bài thuyết trình dưới dạng Powerpoint, thiết kế, tạo các hiệu ứng cho các đối tượng, các trang trình chiếu, trình bày báo cáo trình chiếu phục vụ chuyên đề, công tác chuyên môn, hội thảo, hội nghị khoa học, khả năng sử dụng trình duyệt web, khai thác các công cụ tìm kiếm, các phần mềm ứng dụng hiện nay.

13. Tâm lý học đại cương**2 TC (LT: 24; TH: 06)**

Học phần bao gồm các nội dung về: đối tượng, nhiệm vụ, vị trí, ý nghĩa của tâm lý học; bản chất của hiện tượng tâm lý người; chức năng của hiện tượng tâm lý người; các loại hiện tượng tâm lý người; hiện trạng của khoa học tâm lý; các ngành của khoa học tâm lý; các phương pháp nghiên cứu tâm lý; cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; các thời kỳ phát triển tâm lý; bản chất và cấu trúc của ý thức; sự hình thành và phát triển ý thức; các loại chú ý, các thuộc tính của chú ý; quá trình cảm giác; quá trình tri giác; quá trình tư duy; quá trình tưởng tượng; hoạt động ngôn ngữ; xúc cảm, tình cảm và ý chí; hành động tự động hóa; trí nhớ; đặc điểm, cấu trúc của nhân cách; sự hình thành và phát triển nhân cách; các biểu hiện sai lệch nhân cách.

Những vấn đề cơ bản về khoa học tâm lý: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu tâm lý. Các khái niệm: Tâm lý, ý thức, hoạt động, giao tiếp, nhân cách. Các hoạt động tâm lý người: Nhận thức, tình cảm, ý chí.

14. Giáo dục học đại cương**2TC (LT: 24; TH: 06)**

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

Cung cấp cho SV những vấn đề cơ bản, đại cương về giáo dục học: Các khái niệm, các phạm trù, các nguyên tắc và phương pháp cơ bản của giáo dục học, làm cơ sở cho việc tiếp thu các học phần hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm.

15, 16. Sự học và PTTL trẻ em 1, 2**3TC (LT: 36; TH: 09)**

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

Những vấn đề chung của tâm lý học trẻ em. Các học thuyết về sự phát triển tâm lý và sự học của trẻ em lứa tuổi mầm non. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ em từ bào thai đến 6 tuổi. Một số nội dung cơ bản về tâm lý học dạy học và giáo dục mầm non. Phương pháp nghiên cứu, đánh giá sự phát triển tâm lý trẻ em.

17. Giáo dục học mầm non**2TC (LT: 20; TH: 10)**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học đại cương

Giáo dục học mầm non cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về giáo dục học mầm non, vị trí của bậc học mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam, mục tiêu, nguyên tắc và các quan điểm cơ bản của giáo dục mầm non hiện nay.

Học phần còn cung cấp những kiến thức chung về nhiệm vụ, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ như: hoạt động với đồ vật, hoạt động vui chơi, hoạt động học tập, công tác chuẩn bị cho trẻ vào trường tiểu học....

Nội dung môn học còn hướng đến mục tiêu hình thành, bồi dưỡng cho sinh viên lòng yêu trẻ, yêu nghề và luôn có ý thức phấn đấu trong học tập và rèn luyện để hoàn thiện nhân cách của người giáo viên mầm non.

18. Kỹ năng giao tiếp**2TC (LT: 24; TH: 06)**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Học phần kỹ năng giao tiếp được xây dựng nhằm cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về khoa học giao tiếp như: khái niệm, vai trò của giao tiếp trong đời sống cá nhân. Trình bày các kỹ năng cơ bản trong giao tiếp như: kỹ năng nghe, kỹ năng thuyết phục, kỹ năng thuyết trình...

Kỹ năng giao tiếp là sự kết hợp giữa các bài tập thực hành trong và ngoài lớp về các nguyên tắc ứng xử trong giao tiếp với các bối cảnh khác nhau. Từ đó hình thành thái độ tích cực, tự tin trong giao tiếp nhằm đạt hiệu quả cao nhất, cũng như ảnh hưởng của thái độ này đến các đối tượng khác trong quá trình giao tiếp. Học phần này có vai trò quan trọng trong việc hình thành hệ thống kỹ năng sống cho SV mầm non, góp phần nâng cao năng lực nghề nghiệp ở các cấp độ khác nhau. Đặc biệt là khả năng vận dụng các kỹ năng giao tiếp vào hoạt động chăm sóc-giáo dục trẻ Mầm non.

19. Sự phát triển thể chất trẻ em**2 TC (LT: 24; TH:06)**

Khái niệm cơ bản về sự phát triển sinh lý trẻ em; các thời kỳ phát triển của cơ thể trẻ em, các chỉ số đánh giá, yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển cơ thể trẻ; đặc điểm sinh lý và vệ sinh bảo vệ các hệ cơ quan cơ thể trẻ em lứa tuổi mầm non (hệ thần kinh, hệ phân tích, hệ cơ, hệ hô hấp, hệ tuần hoàn, hệ tiêu hóa, hệ nội tiết và hệ sinh dục)

20. Môi trường và con người**2 TC (LT:24; TL:06)**

Học phần giới thiệu những kiến thức về khoa học môi trường: khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ, các phân môn của khoa học môi trường, mối quan hệ khoa học môi trường và các khoa học khác, tình hình phát triển của khoa học môi trường trên thế giới và Việt Nam; Các nguyên lý cơ bản sinh thái học và khoa học môi trường; Dân số học và sự phát triển dân số; nhu cầu của con người và các hoạt động thỏa mãn nhu cầu của con người, các vấn đề về môi trường khi thỏa mãn nhu cầu của con người; Phương hướng và chương trình hành động về bảo vệ môi trường.

21. Tiếng Việt thực hành**2 TC (LT:15; TL:30)**

Học phần tiếng Việt thực hành cung cấp cho SV các kiến thức về đọc hiểu văn bản, tóm tắt văn bản; những kỹ năng đọc thành tiếng; những kiến thức liên quan đến rèn luyện kỹ năng viết chữ, rèn luyện viết đúng chính tả; những yêu cầu chung và các đặc điểm chính của các loại văn bản: miêu tả, kể chuyện, tường thuật, nghị luận; mục đích của việc rèn luyện kỹ năng nghe nói trong hoạt động học tập và hoạt động giao tiếp thường ngày, các điều kiện để nghe nói có hiệu quả, các phương pháp nghe và phương pháp nói theo những phong cách khác nhau; mục đích của việc rèn luyện kỹ năng kể chuyện trong nhà trường và các kỹ thuật để kể chuyện hay, hấp dẫn

22. Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm**2 TC (LT: 24; TH: 06)**

Học phần nhằm giới thiệu một số kiến thức cơ bản về: Văn học dân gian; Văn học

thiếu nhi; Đọc diễn cảm.

Văn học dân gian: Tìm hiểu khái niệm và các đặc trưng cơ bản; giá trị, ý nghĩa và hệ thống thể loại của VHDG Việt Nam; Phân tích một số tác phẩm VHDG dành cho thiếu nhi.

Văn học thiếu nhi: Kiến thức khái quát về Văn học thiếu nhi (khái niệm, quá trình phát triển, những thành tựu chính, một số đặc trưng cơ bản, vai trò của Văn học thiếu nhi với việc giáo dục trẻ). Giới thiệu một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học thiếu nhi Việt Nam.

Đọc diễn cảm: Vị trí, nhiệm vụ, cơ sở khoa học của dạy học tập đọc; quan niệm và cơ sở lý luận của đọc diễn cảm; phương pháp và biện pháp đọc diễn cảm; thực hành đọc một số tác phẩm văn học thiếu nhi theo loại thể.

II. Kiến thức ngành

23. Mỹ thuật

3TC (LT: 30; TH: 30)

Những vấn đề chung về nghệ thuật tạo hình. Kiến thức và kỹ năng thể hiện luật xa gần, hình họa, màu sắc, bố cục, tỉ lệ người, phóng tranh, tranh đề tài, tranh minh họa, tranh xé-cắt-dán, kẻ cắt chữ, nặn; trang trí trường lớp mầm non

Những vấn đề chung về kỹ thuật làm đồ chơi: Ý nghĩa của đồ chơi với trẻ nhỏ; những yêu cầu khoa học đối với đồ chơi dùng cho trẻ nhỏ; nguyên tắc làm đồ chơi; kỹ thuật làm đồ chơi từ các nguyên vật liệu khác nhau.

24. Âm nhạc

3TC (LT: 30; TH: 30)

Nhạc lý cơ bản: Cao độ âm thanh, trường độ âm thanh, nhịp, phách, các loại nhịp, dấu hóa, hóa biểu, cung, quãng, điệu thức, gam, giọng, dịch giọng, hợp âm, sơ lược về hình thức và thể loại âm nhạc, các ký hiệu. Tập đọc nhạc: Tập đọc điệu thức trưởng, điệu thức thứ. Kỹ thuật ca hát cơ bản (sơ lược bộ máy phát âm, hơi thở - hơi thở ca hát, bài tập luyện thanh, tư thế ca hát thông thường); động tác giữ nhịp, dàn dựng bài hát; học các bài hát phù hợp với chương trình GDMN.

25. Múa dân gian cơ bản

2TC (LT: 15; TH: 30)

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc

Học phần *Múa dân gian cơ bản* cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về nghệ thuật múa: Khái niệm, phân loại múa, các kỹ năng múa, một số tác động múa dân gian và

các điệu nhảy cơ bản. Học xong phần này, SV sẽ có được một số kiến thức cơ bản về nghệ thuật múa. Biết vận dụng những kiến thức đó vào biên đạo múa cho trẻ MN. Tổ chức tốt hoạt động VĐTĐN cho trẻ MN

26, 48. Đàn phím điện tử 1, 2

3TC (LT: 15; TH: 60)

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc

Học phần giới thiệu sơ lược về đàn phím điện tử: cấu trúc, chức năng, cách sử dụng,

bảo quản, tư thế luyện tập; Giới thiệu các kỹ thuật cơ bản của tay trái, kỹ thuật luyện ngón trên giọng Đô trưởng, Fa trưởng, Sol trưởng, La thứ và thực hành ứng dụng đệm một số ca khúc. Qua học phần này sinh viên sẽ được hướng dẫn cụ thể các kỹ thuật cơ bản khi trình diễn trên đàn organ, đồng thời được thực hành với các tác phẩm âm nhạc trong chương trình Âm nhạc Mầm non, bước đầu hình thành kỹ năng đệm hát ở mức độ đơn giản, biết sử dụng đàn phím điện tử để làm phương tiện hoạt động giáo dục âm nhạc.

27. Lí luận và PPTC hoạt động vui chơi.

3TC (LT: 30; TH: 30)

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Những vấn đề cơ bản về trò chơi trẻ em: Khái niệm hoạt động vui chơi. Các loại trò chơi của trẻ em. Ý nghĩa của hoạt động vui chơi. Sự hình thành và phát triển các loại trò chơi trong độ tuổi mầm non: Trò chơi giả bộ (trò chơi phản ánh sinh hoạt và trò chơi đóng vai), trò chơi xây dựng, trò chơi đóng kịch, trò chơi có luật và trò chơi điện tử. Đánh giá mức độ phát triển hoạt động vui chơi của trẻ.

Vị trí hoạt động vui chơi trong chương trình GDMN. Vai trò của người lớn đối với sự phát triển hoạt động vui chơi của trẻ. Phương pháp hướng dẫn trẻ chơi. Ý nghĩa, nội dung phương pháp và hình thức tổ chức các thời điểm vui chơi trong ngày của trẻ. Lập kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi của trẻ ở trường mầm non

28. Lí luận và PPTC hoạt động tạo hình.

3TC (LT: 30; TH: 30)

Điều kiện tiên quyết: Mĩ thuật

Những vấn đề lý luận cơ bản: Ý nghĩa của hoạt động tạo hình đối với sự phát triển trẻ toàn diện; đặc điểm hoạt động tạo hình của trẻ mầm non; giáo dục thẩm mĩ cho trẻ thông qua các phương tiện hoạt động tạo hình; nội dung và các thể loại hoạt động tạo hình của trẻ mầm non: vẽ, nặn, cắt dán, ghép.

Tổ chức hoạt động tạo hình trong các cơ sở GDMN: Vị trí của hoạt động tạo hình và sáng tạo thẩm mĩ trong chương trình GDMN. Mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện tổ chức hoạt động tạo hình. Lập kế hoạch tổ chức và đánh giá hoạt động tạo hình và sáng tạo thẩm mĩ của trẻ.

29. Lí luận và PPTC hoạt động âm nhạc.

3TC (LT:30; TH:30)

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc, múa dân gian cơ bản

Ý nghĩa của âm nhạc đối với trẻ. Đặc điểm cảm thụ và năng lực âm nhạc, múa của trẻ lứa tuổi mầm non. Vị trí của hoạt động âm nhạc trong chương trình GDMN. Mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện giáo dục âm nhạc ở trường MN. Hình thức và các thể loại tổ chức hoạt động âm nhạc của trẻ mầm non: Ca hát, nghe nhạc, vận động theo nhạc, trò chơi âm nhạc.

30. Lí luận và PPTC hoạt động phát triển ngôn ngữ. 3 TC (LT: 30; TH:30).

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Việt thực hành

Ý nghĩa của việc phát triển ngôn ngữ và giao tiếp; đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ em. Nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, biện pháp, hình thức và điều kiện phát triển ngôn ngữ và giao tiếp cho trẻ em. Tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ trong các cơ sở giáo dục mầm non: rèn luyện tai nghe và phát âm, phát triển vốn từ, dạy trẻ nói đúng ngữ pháp, nói mạch lạc, giáo dục văn hóa giao tiếp. Mục đích, nội dung, phương pháp, biện pháp và hình thức cho trẻ làm quen với đọc, viết. Lập kế hoạch, quan sát, đánh giá sự phát triển ngôn ngữ và giao tiếp của trẻ trong GDMN.

31. Lí luận và PPTC hoạt động Làm quen văn học 3 TC (LT: 30; TH:30)

Điều kiện tiên quyết: Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm.

Vị trí của văn học trong giáo dục trẻ; văn học dân gian, văn học thiếu nhi trong và ngoài nước. Đặc điểm cảm thụ văn học của trẻ em. Vai trò của đọc kể diễn cảm trong việc phát triển hoạt động ngôn ngữ nghệ thuật của trẻ em lứa tuổi mầm non: chất giọng, logic đọc, ngữ điệu, ngắt nghỉ giọng, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ, lấy hơi. Các thức thể hiện các loại hình văn học: Đọc thơ, đọc và kể chuyện, sân khấu hóa các loại hình văn học.

Nhiệm vụ của việc cho trẻ tiếp xúc với văn học: Lập kế hoạch, đánh giá, phương pháp, biện pháp và hình thức đọc thơ, kể chuyện cho trẻ nghe; phương pháp và hình thức dạy trẻ thể hiện các tác phẩm văn học.

32. Lí luận và PPTC hoạt động Làm quen với toán. 3 TC (LT: 30; TH:30)

Lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động LQVT là một học phần chuyên ngành giáo dục mầm non được cấu trúc gồm 6 chương với những nội dung cơ bản đó là: Cơ sở lí luận và định hướng của quá trình cho trẻ mẫu giáo LQVT, hình thành biểu tượng về số lượng, con số và phép đếm, kích thước, hình dạng, sự định hướng trong không gian và thời gian cho trẻ mẫu giáo. Những kiến thức trên hỗ trợ SV vận dụng vào việc lập kế hoạch, tổ chức hoạt động học tập và đánh giá trong môn học LQVT nhằm phát triển nhận thức cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non.

33. Lí luận và PPTC hoạt động KPKH về MTXQ 3TC (LT: 30; TH: 30)

Điều kiện tiên quyết: Môi trường và con người

Đây là một học phần chuyên ngành giáo dục mầm non cung cấp cho SV một số kiến thức cơ bản về lí luận và phương pháp tổ chức hoạt động KPKH về MTXQ ở trẻ mầm non bao gồm: những khái niệm cơ bản, ý nghĩa, đặc điểm nhận thức của trẻ mầm non về MTXQ, các nguyên tắc, nội dung, phương pháp và cách hướng dẫn tổ chức hoạt động cho trẻ KPKH về MTXQ. Những kiến thức trên giúp SV vận dụng vào việc lập kế hoạch, tổ chức hoạt động học tập trong môn học KPKH về MTXQ nhằm phát triển nhận thức cho trẻ ở trường mầm non.

34. Lí luận và PPTC hoạt động phát triển vận động. 3TC (LT: 30; TH: 30).

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất

Lý luận cơ bản về giáo dục thể chất cho trẻ mầm non: nhiệm vụ, nội dung và phương tiện giáo dục thể chất; phát triển vận động chủ động cho trẻ lứa tuổi mầm non; phát triển các bài tập thể lực sáng tạo và tự lực của trẻ; cơ sở của việc dạy trẻ các thói quen và kỹ năng vận động; mối liên quan giữa phát triển các tố chất tâm vận động và thói quen vận động.

Nội dung và phương pháp dạy trẻ các bài tập vận động: Thể dục, trò chơi vận động, bài tập thụ động, bài tập chủ động, đội hình, đội ngũ, bài tập phát triển chung, vận động cơ bản; phương pháp tổ chức các hoạt động vận động của trẻ trong chế độ sinh hoạt tại trường

mầm non, Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá hoạt động phát triển và giáo dục thể chất cho trẻ ở các cơ sở GDMN.

35. Vệ sinh - dinh dưỡng

2TC (LT: 15; TH: 30)

Điều kiện tiên quyết: Sự phát triển thể chất trẻ em

Những kiến thức cơ bản về vệ sinh học: vi sinh vật; sự phân bố của vi sinh vật trong tự nhiên và ký sinh ở người; ký sinh trùng và các biện pháp phòng tránh; đại cương về nhiễm khuẩn, bệnh truyền nhiễm và miễn dịch; các biện pháp diệt khuẩn và ứng dụng trong các cơ sở GDMN. Yêu cầu và chế độ vệ sinh ở trường mầm non (vệ sinh về xây dựng; vệ sinh trang thiết bị; vệ sinh chăm sóc trẻ).

Dinh dưỡng học: Khái niệm về dinh dưỡng; dinh dưỡng hợp lý và tầm quan trọng của dinh dưỡng hợp lý; năng lượng và các chất dinh dưỡng cần thiết đối với cơ thể; một số bệnh thường gặp ở trẻ nhỏ do dinh dưỡng không hợp lý; giá trị dinh dưỡng của thực phẩm, cách sử dụng và chế biến các loại thực phẩm thông dụng; an toàn vệ sinh thực phẩm. Giáo dục dinh dưỡng và dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi: Xây dựng khẩu phần ăn và thức ăn.

36. Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN. 3TC (LT: 30; TH: 30)

Giới thiệu chương trình GDMN (cách tiếp cận, nguyên tắc và các bước phát triển); phân tích chương trình GDMN. Các điều kiện thực hiện chương trình (yếu tố con người, cơ chế quản lý và tổ chức thực hiện, cơ sở vật chất)

Phát triển chương trình và lập kế hoạch giáo dục: Quan điểm tiếp cận và hình thức thiết kế chương trình GDMN; cơ sở khoa học và thực tiễn của việc phát triển chương trình, xây dựng chế độ sinh hoạt và lập kế hoạch giáo dục; các bước phát triển chương trình và lập kế hoạch giáo dục; yêu cầu và các loại kế hoạch giáo dục trong trường MN.

Tổ chức thực hiện và đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN: Áp dụng các phương pháp phù hợp với sự phát triển của trẻ giúp trẻ phát triển trí tò mò, sáng tạo, khả năng giải quyết vấn đề và tư duy linh hoạt, phát triển thể lực, xã hội, tình cảm, thẩm mỹ và trí tuệ. Kiến thức và năng lực tổ chức, thực hiện các hoạt động học tập và giáo dục có ý nghĩa và mang tính tích hợp, xuất phát từ nhu cầu và hứng thú của trẻ trong tất cả các nội dung giáo dục.

Xây dựng môi trường giáo dục: Khái niệm (môi trường giáo dục, môi trường vật chất, môi trường xã hội); nguyên tắc xây dựng môi trường giáo dục; các yêu cầu đối với môi

trường giáo dục (thâm mỹ, sư phạm, phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ); các bước xây dựng môi trường giáo dục theo chủ đề; tạo dựng, đánh giá và lựa chọn học liệu, trang thiết bị, môi trường giáo dục phù hợp với sự phát triển của trẻ.

37. Các chuyên đề đổi mới trong GDMN **2TC (LT: 20; TH: 10)**

Học phần các chuyên đề đổi mới trong GDMN là học phần thuộc khối kiến thức GDMN và QL GDMN được cập nhật theo từng năm học.

38. Quản lí GDMN **2TC (LT: 15; TH: 30)**

Điều kiện tiên quyết: Quản lí HCNN và QLN

Các vấn đề cơ bản về quản lý giáo dục: Khái niệm, chức năng, các nguyên tắc, các phương pháp và quá trình quản lý giáo dục; các văn bản về quản lý giáo dục và giáo dục mầm non.

Quản lý GDMN: Mục tiêu, nhiệm vụ, các yêu cầu đối với quản lý GDMN; nội dung, các biện pháp quản lý nhóm, lớp mầm non; xây dựng kế hoạch về công tác quản lý nhóm, lớp mầm non.

39. Đánh giá trong GDMN **2TC (LT: 15; TH: 30)**

Một số vấn đề chung về đánh giá trong GDMN: Khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp và các kỹ thuật đánh giá (Đánh giá các hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non, chương trình GDMN và sự phát triển của trẻ dưới tác động của chương trình GDMN).

Sử dụng các biện pháp và kỹ thuật đánh giá (Quan sát, ghi lại và đánh giá sự học và phát triển của trẻ) nhằm mục đích thiết kế các hoạt động và môi trường giáo dục phù hợp với nhu cầu của từng trẻ, kể cả trẻ có nhu cầu đặc biệt, tạo sự phát triển toàn diện về thể lực, xã hội, tình cảm, thẩm mỹ và trí tuệ cho trẻ

40,41,42,43. Thực hành sư phạm 1, 2, 3, 4 **4TC (TH: 120)**

Sinh viên tham gia vào các hoạt động sau: Quan sát, tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; quản lý, điều khiển nhóm trẻ; làm việc với cha mẹ và cộng đồng; thiết kế môi trường giáo dục. Tham gia thảo luận, xemina làm các bài tập thực hành theo chương trình.

Tham gia các hoạt động rèn luyện những kỹ năng sau: chăm sóc, giáo dục, quản lý và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục trong trường, lớp mầm non; thiết kế và thực hiện chương trình phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tiễn của cơ sở thực hành theo hướng tích hợp. Tiếp cận, xử lý và vận dụng linh hoạt những thông tin khoa học mới của ngành khoa học vào hoạt động thực tiễn của GDMN; sử dụng các phương tiện phục vụ cho hoạt động chăm sóc- giáo dục trẻ.

III. Kiến thức bổ trợ

44. Nghề GVMN **2TC (LT: 15; TH: 30)**

Hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non: đối tượng hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non. Công cụ lao động, chức năng và các kỹ năng nghề giáo viên mầm non. Giao tiếp và ứng xử sư phạm của giáo viên mầm non. Khó khăn và tình huống sư phạm trong công tác của giáo viên mầm non.

Các giai đoạn phát triển nhân cách và nghề giáo viên mầm non: Con đường hình thành phẩm chất và năng lực của giáo viên mầm non. Định hướng, các giai đoạn phát triển nghề và các yêu cầu chuẩn của các bậc đào tạo. Các loại hình đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên đối với nghề giáo viên mầm non.

45. Khởi nghiệp

1TC (LT: 12; TH: 03)

Học phần khởi nghiệp nhằm cung cấp cho SV một số nội dung về khởi tạo doanh nghiệp; nhận thức và phát triển năng lực nhà quản lý doanh nghiệp; thành lập doanh nghiệp và các thủ tục liên quan; tổ chức doanh nghiệp và kế hoạch kinh doanh. Qua học tập, mỗi SV có khả năng xác định ngành nghề kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh và xây dựng kế hoạch hành động để khởi sự kinh doanh trong một lĩnh vực của nền kinh tế.

IV. Thực tập, khóa luận tốt nghiệp

46. Thực tập cuối khóa

6 TC (TH: 180)

Sinh viên thực hành như một giáo viên mầm non tham gia vào tất cả các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non; thiết kế và thực hiện chương trình; trên

cơ sở khai thác các nguồn lực một cách hợp lý. Tiếp tục rèn luyện và thể hiện kỹ năng giao tiếp với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp và cộng đồng; rèn luyện và thể hiện một cách có hiệu quả các kỹ năng tổ chức và quản lý nhóm lớp; rèn luyện kỹ năng đánh giá và điều chỉnh các hoạt động giáo dục trẻ.

49. Phòng bệnh và ĐBAT

2TC (LT: 26; TH: 04)

Phòng bệnh cho trẻ em: Các bệnh thường gặp ở trẻ em; sơ cứu ban đầu và cấp cứu khẩn cấp thường gặp; thuốc và cách sử dụng thuốc trong trường mầm non. Phòng tránh và xử lý một số tai nạn thường gặp ở trẻ nhỏ. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và giáo dục vệ sinh an toàn cho trẻ trong trường mầm non.

50. Giáo dục hòa nhập

2 TC (LT: 26; TH:04)

Những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập (GDHN): Khái niệm, mục tiêu và nhiệm vụ của GDHN; GDHN trên thế giới và ở Việt Nam.

Các hình thức tổ chức GDHN; các nguyên tắc GDHN; chiến lược thúc đẩy và hỗ trợ GDHN; giáo dục cho các nhóm trẻ có nhu cầu đặc biệt.

51. Phương pháp giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ mầm non: 2TC (LT: 15; TH: 30).

Điều kiện tiên quyết: Vệ sinh dinh dưỡng

Học phần Giáo dục dinh dưỡng cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản như: Những vấn đề chung về giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe; Nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục dinh dưỡng ở trường mầm non và ở cộng đồng; Một số bệnh liên quan trực tiếp đến dinh dưỡng và sức khỏe.

Học xong học phần này SV biết cách tổ chức các hoạt động giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ ở trường mầm non theo hướng tích hợp. Biết cách phòng chống một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ ở trường mầm non.

8. Định hướng phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá

8.1. Định hướng phương pháp dạy học

- Sử dụng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học có nhiều tác dụng khơi dậy hoạt động tích cực của người học, tăng cường khả năng tự học, tự nghiên cứu như: Xêmina, phương pháp dự án, bài tập nghiên cứu, góp ý giúp đỡ cá nhân/nhóm...

- Thông qua việc dạy các học phần, chú ý thích đáng việc rèn luyện cho sinh viên phương pháp học như: kỹ thuật tự học, kỹ thuật giao tiếp và hợp tác, kỹ thuật sáng tạo...

-

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy - học	Mục đích
Diễn giảng, thuyết trình	Cung cấp cho SV hệ thống kiến thức nền tảng của các môn học một cách khoa học, logic.
Đàm thoại, vấn đáp	Thông qua hệ thống câu hỏi gợi mở giúp SV khai phá, sáng tỏ những vấn đề mới, những tri thức mới; củng cố, mở rộng, đào sâu, tổng kết, hệ thống hoá những tri thức đã tiếp thu được. Phương pháp này nhằm mục đích kiểm tra, đánh giá và giúp SV tự kiểm tra, tự đánh giá việc lĩnh hội tri thức.
Nghiên cứu tình huống	Giúp SV tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung chương trình học vào giải quyết vấn đề thực tế trong một tình huống cụ thể.
Trực quan	Giúp SV tiếp cận với các học liệu liên quan đến hoạt động học tập, vui chơi, sinh hoạt của trẻ, sơ đồ hóa, hệ thống kiến thức, video, giáo án tham khảo của GVMN, quan sát thực tế các hoạt động do GVMN tổ chức tại các trường mầm non.
Xêmina (Thảo luận trên lớp, hoạt động nhóm, thuyết trình)	Thông qua việc trao đổi, hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên, giữa các sinh viên để làm rõ nội dung kiến thức trong môn học. Giúp sinh viên nâng cao kỹ năng trình bày vấn đề trước đám đông, kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm, lập kế hoạch, rèn luyện kiến thức và kỹ năng môn học
Thực hành	Giúp SV hệ thống lại kiến thức đã học; thực hành phát triển các

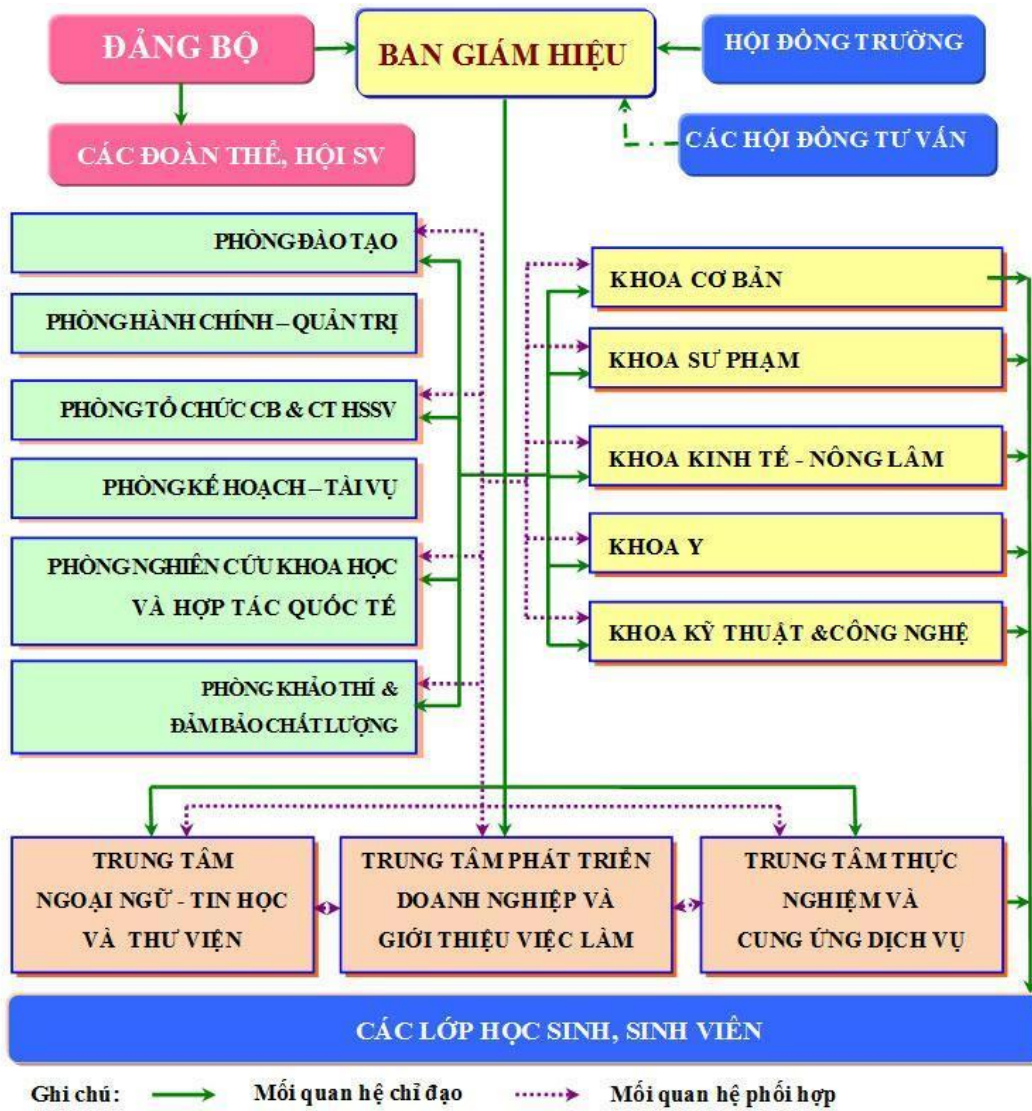
	kỹ năng cần thiết của môn học.
Nghiên cứu khoa học	Giúp SV tính năng động, sáng tạo, năng lực tự học, khả năng nghiên cứu khoa học độc lập và vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học để giải quyết một số vấn đề của khoa học và thực tiễn.

8.2. Định hướng đánh giá

Đánh giá theo Thông tư số 24/2019/TT-BGDĐT ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo Ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên

9. Cơ cấu tổ chức, đội ngũ và cơ sở vật chất, trang thiết bị

9.1. Cơ cấu tổ chức



9.2. Đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giảng dạy môn	Trình độ	Đơn vị công tác
1.	Nguyễn Thành Nhân	1981	GDTC	Cử nhân	CĐCĐ Kon Tum
2.	Phan Công Phương	1982	GDTC	Cử nhân	CĐCĐ Kon Tum
3.	Nguyễn Thị Châu	1983	GDTC	Cử nhân	CĐCĐ Kon Tum
4.	Hoàng Văn Vỹ	1983	GDTC	Cử nhân	CĐCĐ Kon Tum
5.	Trần Nhật Cư	1965	GDTC	Cử nhân	CĐCĐ Kon Tum
6.	Bùi Thị Thảo Nguyên	1982	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lê Nin 1, 2	Thạc sĩ	CĐCĐ Kon Tum
7.	Nguyễn Thị Hoài Thu	1979	- Những nguyên lý cơ bản của CN Mác Lê Nin 1, 2 - Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	Thạc sĩ	CĐCĐ Kon Tum
8.	Nguyễn Thị Nhâm	1982	Tư tưởng HCM	Thạc sĩ	CĐCĐ Kon Tum
9.	Lưu Thị Thúy Hiền	1985	Tiếng Anh	Thạc sĩ	CĐCĐ Kon Tum
10.	Lê Thị Hoàng Lan	1982	Tiếng Anh	Thạc sĩ	CĐCĐ Kon Tum
11.	Nguyễn Túc	1966	Tiếng Anh	Cử nhân	CĐCĐ Kon Tum
12.	Nguyễn Thị Thu Hoài	1978	Tiếng Anh Tiếng Anh nâng cao	Thạc sĩ	CĐCĐ Kon Tum
13.	Nguyễn Thị Lan Phương	1976	Tiếng Anh nâng cao	Thạc sĩ	CĐCĐ Kon Tum
14.	Lê Thị Thanh Hòa	1976	Giáo dục gia đình	Thạc sĩ	CĐCĐ Kon Tum
15.	Y Xô Kiếm Ba	1979	- Tâm lý học đại cương - THSP 1	Thạc sĩ	CĐCĐ Kon Tum
16.	Hoàng Văn Chi	1977	- Sự học và PT TLTE1 - PP NCKH SP ứng dụng và làm SKKN - Giáo dục học mầm non - Quản lý HCNN và QL ngành	Thạc sĩ	CĐCĐ Kon Tum
17.	Phạm Thị Mai Hiền	1975	PP NCKH SP ứng dụng và làm SKKN	Thạc sĩ	CĐCĐ Kon Tum
18.	Nguyễn Thị Cúc	1982	- Sự học và PT TLTE2 - Thực hành sư phạm - Kỹ năng giao tiếp	Thạc sĩ	CĐCĐ Kon Tum

19.	Nguyễn Thị Bích Hạnh	1976	Sự PTTC trẻ em	Thạc sĩ	CĐCĐ Kon Tum
20.	Trần Hồng Đình	1972	Môi trường và con người	Thạc sĩ	CĐCĐ Kon Tum
21.	Nguyễn Văn Nam	1977	- Môi trường và con người - Vệ sinh – Dinh dưỡng	Thạc sĩ	CĐCĐ Kon Tum
22.	Lê Thị Vân	1968	Vệ sinh – Dinh dưỡng	Cử nhân	CĐCĐ Kon Tum
23.	Nguyễn Thị Nhân Ái	1986	Ứng dụng CNTT trong DH mầm non	Thạc sĩ	CĐCĐ Kon Tum
24.	Ngô Thị Phương Dung	1984	Ứng dụng CNTT trong DH mầm non	Thạc sĩ	CĐCĐ Kon Tum
25.	Lê Văn Thiện	1979	Tin học thực hành	Thạc sĩ	CĐCĐ Kon Tum
26.	Lưu Thiên Phong	1974	Tin học thực hành	Cử nhân	CĐCĐ Kon Tum
27.	Võ Thị Thảo	1981	Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm	Thạc sĩ	CĐCĐ Kon Tum
28.	Lê Thùy Ánh Tiết	1984	Văn học thiếu nhi và đọc diễn cảm	Thạc sĩ	CĐCĐ Kon Tum
29.	Hoàng Kim Lân	1978	Mỹ thuật	Cử nhân	CĐCĐ Kon Tum
30.	Lê Thị Ngọc	1985	- Tiếng Việt thực hành - LL và PP tổ chức hoạt động phát triển ngôn ngữ	Thạc sĩ	CĐCĐ Kon Tum
31.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	1972	LL và PP tổ chức hoạt động làm quen văn học	Cử nhân	CĐCĐ Kon Tum
32.	Đỗ Trần Viên	1971	Tiếng Việt thực hành	Thạc sĩ	CĐCĐ Kon Tum
33.	Trần Thị Phượng	1983	- Múa dân gian cơ bản - LL và PP tổ chức hoạt động Âm nhạc - Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN - Thực hành sư phạm - Phòng bệnh an toàn	Thạc sĩ	CĐCĐ Kon Tum
34.	Nguyễn Thị Thu Hà	1975	- LL và PP tổ chức HĐ vui chơi - LL và PP tổ chức hoạt động làm quen với Toán - LL và PP tổ chức hoạt động khám phá khoa học và MTXQ - Quản lý GDMN - Thực hành sư phạm	Thạc sĩ	CĐCĐ Kon Tum

35.	Đặng Thị Thanh Sương	1971	- Âm nhạc - Đàn phím điện tử 1,2	Thạc sĩ	CĐCĐ Kon Tum
36.	Trương Thị Ngọc Thanh	1978	- LL và PP tổ chức hoạt động tạo hình - Các chuyên đề đổi mới trong giáo dục mầm non - Thực hành sư phạm - Nghề giáo viên mầm non - PP giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ MN	Thạc sĩ	CĐCĐ Kon Tum
37.	Nguyễn Thị Anh Đài	1977	- LL và PP tổ chức hoạt động PTVĐ - Đánh giá trong GDMN - Thực hành sư phạm - Giáo dục hòa nhập	Thạc sĩ	CĐCĐ Kon Tum
38.	Nguyễn Thị Hòa	1983	Khởi nghiệp	Thạc sĩ	CĐCĐ Kon Tum

9.3. Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị để thực hiện chương trình

- Có phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm để SV thực hành một số nội dung môn học;

- Phòng thực hành của khoa được trang bị 1 máy vi tính, đầu chiếu overhead, Projecter và đã được nối mạng Internet đảm bảo cho các bài dạy bằng giáo án điện tử

- Phòng thực hành chuyên môn: được trang bị tủ đựng đồ dùng dạy học và một số đồ dùng phục vụ cho SV rèn kỹ năng của các học phần kiến thức chuyên ngành

- Thư viện: Đảm bảo các đầu sách chuyên ngành và tham khảo để phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên.